

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HSST
Ngày 31-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tổ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Danh Nghĩa và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/HSST-QĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN N - sinh ngày 28/4/1998 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Dự (1970) và bà Dương Thị Út Em (1968); bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 06 anh chị em và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2017. (có mặt)

- Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1982 (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1992 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 15/02/2017, sau khi đã uống rượu xong, N cùng với Tô Trung Hiếu, Trần Văn Sang đến quán nước nhà anh H thuộc ấp Đ, xã T, huyện P uống nước. Tại đây, Hiếu và Sang gọi nước uống, riêng N không gọi nước. Khi anh H mang nước ra cho Hiếu và Sang thì N nói với Hưng: “Sao ly nước này kỳ kỳ”. Do N lặp đi lặp lại nhiều lần nên giữa N và anh H xảy ra cự cãi to tiếng, xô xát nhau, tuy nhiên được mọi người can ngăn. N bỏ về nhà được 05 phút thì quay lại, N mang theo 01 cây kéo (loại kéo màu đen, dài 15cm, dùng để làm cá) đi đến chỗ anh H đang đứng và dùng kéo đâm 01 nhát trúng cánh tay trái của anh H. Anh Nguyễn Văn H1 (là em ruột của anh H) thấy vậy liền đứng ra can ngăn, do bức xúc vì trước đó bị H1 đánh nên N tiếp tục dùng kéo đâm 01 nhát trúng cẳng tay trái của anh H 1 gây thương tích.

Đến ngày 14/3/2017, anh H và anh H 1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của Nguyễn Văn N.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0142/GDPY/2017 ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Giám định pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận về thương tích của Nguyễn Văn H như sau: Vết thương cánh tay trái để lại sẹo kích thước 0,7 x 0,3cm. Tỷ lệ thương tích 01%. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0141/GDPY/2017 ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Giám định pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận về thương tích của Nguyễn Văn H1 như sau: Vết thương cẳng tay trái để lại sẹo kích thước 0,2 x 0,2cm. Tỷ lệ thương tích 01%. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Tại Bản cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, người bị hại Nguyễn Văn H có đơn xin rút yêu cầu khởi tố (đơn đề ngày 21/8/2017). Tại phiên tòa, anh H xác định người bị hại đã bồi thường thiệt hại, nay anh không có yêu cầu gì khác về dân sự, về trách nhiệm hình sự anh xin rút yêu cầu khởi tố, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Văn N, việc rút yêu cầu khởi tố của anh là hoàn toàn tự nguyện.

Người bị hại Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không có ý kiến gì đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự của Nguyễn Văn N theo quy định của pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho anh H 1 số tiền: 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh H số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tại phiên tòa, những người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có lời nói sau cùng như sau: Do bị cáo nông nổi và không kiềm chế được bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo gửi lời xin lỗi đến những người bị hại là anh H và anh H 1; đồng thời bị cáo mong Hội đồng xét xử cân nhắc ra một bản án khách quan và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận: Bị cáo là người đã thành niên, có quan hệ là hàng xóm với những người bị hại Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt với người bị hại mà bị cáo đã dùng cây kéo có đầu sắc nhọn (loại kéo màu đen, dài 15cm, dùng để làm cá) là hung khí nguy hiểm đâm người bị hại Hưng 01 nhất, gây thương tích 01%; đâm người bị hại Nguyễn Văn H1 01 nhất, gây thương tích 01%, với lỗi cố ý trực tiếp. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, Kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 14/3/2017, người bị hại H, H1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo. Ngày 21/8/2017 người bị hại H có đơn xin rút yêu cầu khởi tố, tuy nhiên người bị hại H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Từ những phân tích và các sự kiện pháp lý nêu trên có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến

tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, được những người bị hại bãi nại về dân sự; thiệt hại về sức khỏe của những người bị hại do bị cáo gây ra không lớn, tại phiên tòa những người bị hại xác định thương tích đến nay đã hồi phục và không để lại di chứng; trước khi mở phiên tòa người bị hại Nguyễn Văn H xin rút yêu cầu khởi tố và đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương. Do đó xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ nghiêm. Cần áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo hiện đang làm thuê, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định vì vậy miễn việc khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cây kéo màu đen, dài 15cm là hung khí nguy hiểm, bị cáo sử dụng để gây thương tích cho người bị hại, sau khi thực hiện xong hành vi gây thương tích, bị cáo đã vứt bỏ tại hiện trường; Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

[8] Các vấn đề khác: Đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của Tô Trung Hiếu, hiện tại Hiếu đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, khi bắt được sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo đã nộp số tiền: 9.923.000đ (Chín triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng) nhằm để khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho những người bị hại; tuy nhiên do bị cáo và những người bị hại đã tự thỏa thuận, giải quyết xong về phần dân sự nên số tiền này được trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội: **“Cố ý gây thương tích”**.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo do bị cáo có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N số tiền **9.923.000đ (Chín triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng)** theo Biên lai thu tiền số 0003206 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố